

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 5 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Chương

Bà Bùi Thúy Mở

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Lê Đức N, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn, khởi kiện với nội dung: Chị kết hôn với anh Lê Đức N trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 04 tháng 08 năm 2004. Sau lễ cưới, chị về chung sống cùng với anh N tại thôn C, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận và có 03 con chung, tuy đôi khi không tránh khỏi những xung đột nhưng chị và anh N vẫn chung sống cùng nhau. Đến giữa năm

2020, chị và anh N phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt, anh N nghi ngờ chị không chung thủy trong quan hệ vợ chồng nên đã chửi mắng xúc phạm và đuổi chị đi. Chị T về nhà bố mẹ để ở một thời gian ngắn, sau đó ra ngoài thuê nhà trọ ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay, chị T nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên chị giữ nguyên đề nghị được ly hôn với anh Lê Đức N. Chị và anh N có 03 con chung tên Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2000; Lê Minh H, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2002 và Lê Thái A, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2013. Hiện nay, các con chung tên Lê Thị Mỹ L và Lê Minh H đã thành niên và có khả năng lao động nên chị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị T đề nghị để chị được trực tiếp nuôi con chung Lê Thái A. Chị và anh N tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và tại các buổi hòa giải, anh Lê Đức N trình bày, thống nhất với lời khai của chị Nguyễn về thời gian và điều kiện kết hôn. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Đến tháng 8 năm 2020, anh N bị tai nạn nghỉ ở nhà, chị T đi làm công nhân nhưng thường xuyên đi sớm về muộn và không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng vì thế mà xảy ra xung đột, xúc phạm lẫn nhau. Chị T ra ngoài thuê nhà trọ ở, anh N đã tìm gọi nhưng chị T đều không về đoàn tụ. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Nay, chị T xin ly hôn, quan điểm của anh N là không đồng ý. Về con chung, trong trường hợp vợ chồng ly hôn, anh N đồng ý để chị T nuôi con chung tên Lê Thái A, còn các con Lê Thị Mỹ L và Lê Minh H đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh và chị T tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuân theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Đức N; đề nghị giao con Lê Thái A, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Các con Lê Thị Mỹ L và Lê Minh H đã thành niên và có khả năng lao

động nên không xem xét. Nguyên đơn nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng**

Bị đơn là anh Lê Đức N đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **[2] Về yêu cầu của chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Lê Đức N**

Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Đức N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh N là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh N thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, bất đồng trong sinh hoạt nên đã xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau nặng nề. Chị T xin ly hôn, anh N không đồng ý. Xét thấy, hôn nhân hạnh phúc phải bắt nguồn từ cả hai phía, anh N mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng qua nhiều lần Tòa án tiến hành hòa giải và tại phiên tòa, chị T vẫn xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N và kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Tài liệu xác minh tại địa phương cũng thể hiện, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ giữa năm 2020, nguyên nhân là do anh N nghi ngờ chị T không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, trong lúc nóng giận, vợ chồng xảy ra xô xát, anh N đã đập phá xe máy của chị T. Chị T và anh N không sống chung cùng nhau từ tháng 9 năm 2020 đến nay, không còn dành cho nhau tình cảm và lòng yêu thương, quý trọng, chăm sóc giữa vợ và chồng. Từ những căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xin ly hôn anh N.

#### **[3] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con**

Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Đức N có 03 con chung tên Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2000; Lê Minh H, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2002 và Lê Thái A, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2013. Xét thấy, các con chung Lê Thị Mỹ L và Lê Minh H đã thành niên và có khả năng lao động, con chung tên Lê Thái A có nguyện vọng được ở cùng chị T. Mặt khác, chị T và anh N thống nhất để chị T trực tiếp nuôi con Lê Thái A trong trường hợp vợ chồng ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Thái A là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị T và anh N thống nhất tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị T và anh Lê Đức N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[5] Về án phí, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Đức N.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Thái A, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2013 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Hai con chung tên Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2000; Lê Minh H, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2002 đã thành niên và có khả năng lao động.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Các đương sự tạm thời không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0015728 ngày 26/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Đức N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã Lưu Kiếm, H. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huân**